

Số: 20 /2021/NQ-HĐND

An Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi  
năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG  
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm  
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp  
luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá; Nghị  
định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013  
của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính  
phủ quy định chi tiết về giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi và hỗ trợ tiền sử dụng sản  
phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi;*

*Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính  
phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ  
công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT-BTC ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ Tài  
chính quy định phương pháp định giá chung đối với hàng hóa dịch vụ;*

*Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài  
chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm  
2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật  
Giá; Thông tư số 233/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28*

tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Xét Tờ trình số 740/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

**Điều 3.** Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2021 và thay thế Nghị quyết số 32/2018/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang về việc quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi trên địa bàn tỉnh An Giang.

### Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Vụ Công tác Quốc hội, Địa phương và Đoàn thể - VPCP;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực IX;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế các bộ: NN và PTNT, Tài chính;
- Website Chính phủ;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Ban Thường trực UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan thường trú TTXVN tại AG, Báo Nhân dân tại AG, Truyền hình Quốc hội tại tỉnh Kiên Giang;
- Báo An Giang, Đài PT-TH An Giang;
- Website tỉnh, Trung tâm Công báo - Tin học, Cổng thông tin điện tử Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND-M.

### CHỦ TỊCH

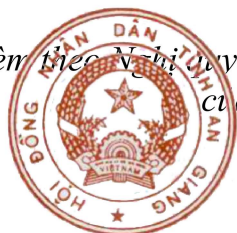


Lê Văn Nung

## QUY ĐỊNH

### Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang

(Kèm theo Nghị quyết số 20/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021  
của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)



## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, khai thác công trình thủy lợi và các tổ chức, cá nhân sử dụng nguồn nước hoặc làm dịch vụ từ hệ thống công trình thủy lợi (bao gồm: hồ chứa, đập, cống, kênh, rạch tạo nguồn nước) kể cả nguồn nước từ sông rạch tự nhiên trên địa bàn tỉnh nhưng do nhà nước đầu tư nạo vét.

## Chương II

### GIÁ CỤ THỂ SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THỦY LỢI

### Điều 3. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi

Bảng giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 như sau:

TT	Danh mục giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi	Đơn vị tính	Mức giá
<b>I</b>	<b>Tưới tiêu cho lúa</b>		
<b>1</b>	<b>Tưới tiêu chủ động:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	1.055.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	732.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	824.000
<b>2</b>	<b>Tưới, tiêu chủ động một phần:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	633.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	439.200
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	494.400

<b>3</b>	<b>Tưới tiêu tạo nguồn:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
<b>II</b>	<b>Tưới tiêu cho mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày, cây vụ đông</b>		
<b>1</b>	<b>Tưới tiêu chủ động:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	422.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	292.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	329.600
<b>2</b>	<b>Tưới tiêu chủ động một phần:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	253.200
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	175.680
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	197.760
<b>3</b>	<b>Tưới tiêu tạo nguồn:</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/vụ	168.800
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/vụ	117.120
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/vụ	131.840
<b>III</b>	<b>Cấp nước cho chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cấp nước tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu</b>		
<b>1</b>	<b>Cấp nước cho chăn nuôi</b>		
	Cấp nước bằng máy bơm	đồng/m <sup>3</sup>	1.320
	Cấp nước bằng hồ đập, kênh cống	đồng/m <sup>3</sup>	900
<b>2</b>	<b>Cấp nước cho nuôi trồng thủy sản</b>		
	Cấp nước chủ động	đồng/ha mặt thoáng/năm	2.500.000
	Cấp nước tạo nguồn	đồng/ha mặt thoáng/năm	1.000.000
<b>3</b>	<b>Cấp nước cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu</b>		
<b>a)</b>	<b>Tưới tiêu chủ động</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	844.000
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	585.600
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	659.200
<b>b)</b>	<b>Tưới tiêu chủ động một phần</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	506.400

	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	351.360
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	395.520
<b>c)</b>	<b>Tưới tiêu tạo nguồn</b>		
	Tưới tiêu bằng động lực	đồng/ha/năm	337.600
	Tưới tiêu bằng trọng lực	đồng/ha/năm	234.240
	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha/năm	263.680
<b>IV</b>	<b>Tiêu thoát nước cho khu vực nông thôn và đô thị trừ vùng nội thị</b>		
	Tiêu bằng động lực	đồng/ha lưu vực/năm	36.925
	Tiêu bằng trọng lực	đồng/ha lưu vực/năm	25.620
	Tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	đồng/ha lưu vực/năm	28.840

#### **Điều 4. Điều kiện áp dụng để tính giá**

1. Giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh được tính đến điểm giao nhận sản phẩm, dịch vụ thủy lợi.

2. Giá cụ thể sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh An Giang là giá không có thuế giá trị gia tăng./.